

Bản án số: 317/2024/DS-PT

Ngày: 15-8-2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Ông Ninh Quang Thế

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Chơn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Quách Thị N, sinh năm: 1982. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Nguyễn Chí H, sinh năm: 1999. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Quách Thị N, anh Nguyễn Chí H:

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1953. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1981. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2020 và văn bản ủy quyền ngày 12/4/2021.

3. Anh Nguyễn Thanh C, sinh năm: 2011.

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Thanh C: Bà Quách Thị N, sinh năm: 1982. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nhan Thị K, sinh năm: 1948. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nhan Thị K: Ông Nguyễn Chí H1, sinh năm: 1982. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2021 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm: 1979. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện T. Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Chí H1, sinh năm: 1982 (có mặt).

4. Bà Nguyễn Kim H2 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Nguyễn Văn H3 (vắng mặt).

6. Bà Lê Thị H4 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Quách Thị N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp do cha ông V là cụ Nguyễn Chí T1 (đã mất năm 2007) khai phá vào khoảng năm 1980. Phần đất có tứ cận: Mặt tiền giáp kênh lộ xe, mặt hậu giáp phần đất Trương Ngọc S, cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất ông Lê Đông S1, cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp Lê Văn C1. Phần đất có diện tích 37.460m² đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Cụ T1 quản lý đến năm 2001 tặng cho lại con ông V và cụ T1, ông T được Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất vào ngày 03/12/2001. Đến năm 2002 ông T trực tiếp quản lý sử dụng phần đất.

Vào ngày 04/3/2019 ông T đã tặng cho toàn bộ phần đất còn lại cho vợ là Quách Thị N đứng tên với diện tích 20.922,9m² thuộc thửa 470, tờ bản đồ 24.

Quá trình quản lý sử dụng phần đất nêu trên, phần đất đã bị thu hồi một phần diện tích trên 4.933,9m² để làm lộ X; bà K lấn chiếm một phần nên phát sinh tranh chấp đến nay.

Nay ông V, ông M yêu cầu rút lại một phần diện tích 258,1m² do không có tranh chấp. Ông V, ông M yêu cầu bà Kim g trả lại bà N phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 801,7m², đất tọa lạc ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau cho bà N tạm tiếp tục quản lý sử dụng đến khi nào Nhà nước yêu cầu trả thì bà N sẽ giao trả lại Nhà nước. Đồng thời yêu cầu tuyên bố hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà K và ông H4 liên quan đến phần đất tranh chấp; không công nhận cho bà K được quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp.

Đối với anh Nguyễn Chí H và anh Nguyễn Thanh C là con ruột bà N và có ký đơn khởi kiện nhưng đã xác định không có liên quan đến phần đất tranh chấp của bà N và bà K nên không có yêu cầu tại vụ án.

Ông Ngô Trường S2 trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của ông V, ông M về nguồn gốc phần đất tranh chấp. Đối với phần đất tranh chấp hai bên điều có người xác nhận nguồn gốc đất là của mình nhưng chỉ có giá trị tham khảo. Thực tế do bà N có phần đất phía bên lộ xe nên theo tập quán bà N phải có mặt tiền đến kinh lộ xe, bà K có đất ở bên sông nên sẽ không có nhu cầu sử dụng phần đất phía bên lộ xe. Nay ông S2 yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Nhan Thị K và ông Nguyễn Chí H1 với diện tích phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 801,7m² vì hai bên chuyển nhượng khi đất đang tranh chấp; không công nhận cho bà K được QSD đất đối với phần đất tranh chấp diện tích 801,7m² vì đất thuộc hành lang lộ giới và yêu cầu tạm giao phần đất tranh chấp cho bà N quản lý sử dụng đến khi nào nhà nước thu hồi bà N sẽ giao trả lại nhà nước.

Ông Nguyễn Chí H1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp do ông nội bà K là ông Nhan Bùi K1 để lại cho con là ông Nhan Văn B (cha bà K), ông B để lại cho bà K, phần đất có diện tích 11.400m², đất tọa lạc ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau và được cấp giấy chứng nhận QSD đất đứng tên Nhan Thị K.

Năm 2020 bà K chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Chí H1 toàn bộ phần đất 11.400m² (trong đó bao gồm phần đất tranh chấp), giá chuyển nhượng 500.000.000 đồng. Ông H1 quản lý toàn bộ phần đất từ năm 2020 đến nay.

Nay ông H1 yêu cầu bác yêu cầu của nguyên đơn để giao phần đất cho bà K tiếp tục quản lý sử dụng. Đối với hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông H1 và bà K do hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết tại vụ án.

Ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của ông H1. Bà K không thống nhất hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng giữa bà K và ông H1, hủy một phần giấy chứng nhận QSD đất của bà K để tạm giao phần đất cho bà N quản lý với diện tích theo đo đạc thực tế 801,7m², đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Bởi vì, việc bà K được Ủy ban nhân dân huyện T cấp QSD đất với diện tích 11.400m² là đúng quy định không ai khiếu nại về việc cấp đất này. Bà K quản lý sử dụng phần đất ổn định đến khi chuyển nhượng cho ông H1. Bà K và ông H1

chuyển nhượng đất với nhau là tự nguyện hai bên không có yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng. Vì vậy, bà K yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị N với diện tích 258,1m², đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị N về việc yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa bà Nhan Thị K và ông Nguyễn Chí H1, không công nhận một phần quyền sử dụng đất của bà Nhan Thị K đứng tên và yêu cầu bà Nhan Thị K trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế với diện tích 801,7m² đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau theo trích đo hiện trạng ngày 14/12/2022 của Trung tâm K2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất do chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 nguyên đơn là bà Quách Thị N có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng phần đất giữa bà Nhan Thị K và ông Nguyễn Chí H1, tạm thời giao lại phần đất cho gia đình bà N quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Quách Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn là bà Quách Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn kháng cáo không đồng ý Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình và yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm tuyên xử chưa phù hợp với quy định pháp luật vì Tòa án cấp sơ thẩm làm việc không khách quan, không chính xác làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Quách Thị N.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo của bà N là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ:

[2.1] Phần đất tranh chấp bà Quách Thị N yêu cầu bà Nhan Thị Kim t lại có vị trí, kích thước, diện tích theo đo đạc thực tế như sau: Mặt tiền giáp phần đất còn lại do bị đơn quản lý sử dụng có mốc M19M22 dài 74,64m; mặt hậu giáp kênh lộ xe có mốc M5M4M3M2 dài 74,55m; cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất bà Quách Thị N quản lý có mốc M2M24M23M22 dài 8,48m; cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất bà Quách thị N1 quản lý có mốc M5M17M18M19 dài 11,63m. Phần đất có diện tích 801,7m².

Phần đất nguyên đơn xác định thuộc quyền sử dụng đất diện tích 37.460m² do UBND huyện T cấp cho Nguyễn Chí T1, Nguyễn Chí T có vị trí, kích thước, diện tích theo đo đạc thực tế như sau: Mặt tiền giáp kênh lộ xe có mốc M8M7M6M5M4M3M2; mặt hậu giáp phần đất ông Phạm Văn X, Phan Thành C2 có mốc M33M34M35; cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất của ông Phan Thế Đ, Phan Ngọc Æ, Dương Quốc T3, Tăng Văn L có mốc M8M9M10M11M12M30M31M33; cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất của ông Nguyễn Văn R và kinh trường học có mốc M1M26M27M35. Phần đất có diện tích là 31.506,5m².

Phía ông V, ông M yêu cầu bà K trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 801,7m² đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Tại phiên tòa ông V, ông M yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà K và ông H1, không công nhận một phần quyền sử dụng đất bà K được cấp đối với phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 801,7m² để tạm giao lại cho bà N1 quản lý sử dụng nhưng ông Chí H1 không thống nhất.

[2.2] Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và diễn biến tranh chấp được các đương sự xác định qua trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đối chiếu với phần diện tích đất tranh chấp và kết quả xem xét đo đạc thẩm định thực tế mảnh trích đo hiện trạng có diện tích 801,7 m² như đã nêu trên, thấy rằng:

Quá trình giải quyết ông V, ông M cho rằng phần đất tranh chấp diện tích 801,7m² là của bà N1 nên yêu cầu bà Kim g trả lại là chưa đủ cơ sở vì: Tại Quyết định số 2364 ngày 06/8/2000 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết tranh chấp đất giữa cụ Nguyễn Chí T1 với bà Lê Thị Đ1 thì phần đất diện tích 37.460m² đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau giao đất cho cụ T1 nhưng tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ T1, ông T và ông T, bà N1 với diện tích 37.460m² thuộc thửa 153 tờ bản đồ số 15 không có thể hiện chiều ngang, chiều dài đối với phần đất. Tại phiên tòa ông V, ông M thừa nhận con kênh lộ xe đã có từ lâu nhưng tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ T1, ông T vào ngày 02/11/2001 có tứ cận mặt tiền giáp lộ xe, mặt hậu giáp thửa 152 và 153, cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp thửa 154 và 157, cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp lộ tẻ. Từ đó cho thấy phần đất không có hướng nào giáp kênh lộ xe như ông V, ông M trình bày.

[2.3] Ông V cho rằng phần đất bà N1 được cấp quyền sử dụng đất bị thiếu so với diện tích ban đầu (đã trừ đi phần đất đã bị thu hồi) nhưng quá trình cấp đổi quyền sử dụng đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2001 đến nay cụ T1, ông T, bà N1 không có ý kiến yêu cầu khiếu nại về việc cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích còn lại hiện nay là 20.922,9m². Mặt khác, quyền sử dụng đất cấp cho ông T, bà N1 vào ngày 28/12/2018 cơ quan chuyên môn có tiến hành đo đạc thực tế và tại đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/11/2018 là được thực hiện điều chỉnh từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 22/4/2002 với diện tích 37.460m² còn 20.922,9m² thuộc thửa 470 tờ bản đồ số 24 đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau có hướng mặt tiền là giáp ranh giải phóng mặt bằng.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông V khẳng định có yêu cầu khiếu nại đến cơ quan chuyên môn nhưng ông không cung cấp được giấy tờ chứng minh cơ quan chuyên môn có thụ lý giải quyết. Tại hồ sơ chỉ thể hiện ông V có nộp đơn yêu cầu rút lại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T đề ngày 10/10/2022 và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thới Bình giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà N1 với bà K.

[2.4] Theo Biên bản xem xét thẩm định thực tế và bản vẽ hiện trạng đất ngày 14/12/2022 của Trung tâm K2 thì phần đất ông V, ông M yêu cầu bà K trả lại cho bà N1 là đất tại thửa số 2 diện tích 250,4 m² thửa số 3 diện tích 305 m² là đất lộ thuộc Quốc lộ F hiện trạng thửa số 4 diện tích 245,8 m² là đất hành lang Quốc lộ F hiện trạng được nhà nước thu hồi sử dụng xây dựng quốc lộ và hành lang quốc lộ 63 là phù hợp với biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã T ngày 10/12/2020 kết luận vụ việc là tranh chấp trên phần đất bảo lưu lộ giao thông.

Quá trình giải quyết ông V, ông M thừa nhận phần đất tranh chấp diện tích 801,7m² là đất bảo lưu nên chỉ yêu cầu tạm giao cho bà N1 quản lý đến khi nhà nước cần bà N1 sẽ giao lại. Yêu cầu này là không phù hợp vì đất bảo lưu theo quy định pháp luật là không thuộc trường hợp được tạm giao cho cá nhân quản lý sử dụng (BL35, 36). Như vậy việc bà N1 yêu cầu bà Kim giao phần đất tranh chấp diện tích 801,7m² cho bà N1 tạm quản lý sử dụng là không có cơ sở nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới nào khác ngoài các tài liệu chứng cứ đã được xem xét ở cấp sơ thẩm.

[4] Từ những phân tích trên, bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị N là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Quách Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2023/DS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Quách Thị N phải chịu theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Quách Thị N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị N với diện tích 258,1m², đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị N về việc yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nhan Thị K và ông Nguyễn Chí H1, không công nhận một phần quyền sử dụng đất của bà Nhan Thị K đứng tên và yêu cầu bà Nhan Thị K trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế với diện tích 801,7m² đất tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau theo trích đo hiện trạng ngày 14/12/2022 của Trung tâm K2.

2. Chi phí tố tụng khác: Bà Quách Thị N phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản với tổng số tiền là 22.291.700 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi một nghìn bảy trăm đồng) (đã nộp xong).

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Quách Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng. Ngày 02/02/2021 bà N đã dự nộp số tiền 795.000 đồng (Bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014475 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ, bà N được nhận số tiền còn lại là 495.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Quách Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng. Ngày 21 tháng 8 năm 2023 bà N đã dự nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003832 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu đối trừ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng